

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐD/TT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+BK3	7:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
2		P8+P2+TD5	7:25	9+0+13	0+0+0		0+6+16	0+0+0	CHUYEN 1 PAX P2-TD5
3		P7+P3+JS2	7:25	8+0+14	0+0+0		6+1+15	0+0+0	
4		P5+P1+TD5	9:25	7+4+11	0+0+0		1+8+13	0+0+0	
5		P4+P6	9:25	22+0	0+0		10+12	0+0	
6		RP1+JS2	9:25	4+18	0+0		0+20	0+0	1 CAPITAN TU DD3 VỀ QUA JS2
7		RP2+P4	11:25	11+9	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2018	TO: TD3 - BK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LBình - ATUAN - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	31	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3	30	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	TD3	25	1	2		84	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN KHOA	TD3	24	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
5	VÕ VĂN DŨNG	TD3	28	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN LÊ KIÊN	TD3	33	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	35	1	20		66	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	34	1	5		91	KHOAN	Vietnamese
9	HÀ VĂN PHÚC	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	32	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ THANH HẢI	TD3	98	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TIÊN DŨNG	TD3	22	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
13	MAI ĐẠI HẢI	TD3	23	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG TIÊN	TD3	21	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
15	TẠ BA HOÀN	TD3	29	1	11		61	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐÔNG HÙNG	TD3	26	1	13		81	KHOAN	Vietnamese
17	MESKOV M.Y	TD3	65	1	12	35	79	DVL	Russian
18	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD3	99	1	9		58	DVL	Vietnamese
19	KRAVTSOV ALEXANDER	TD3	67	1	8		77	DVL	Russian
20	NGUYỄN VĂN HANH	TD3	20	1	4		60	PSV	Vietnamese
21	LƯƠNG XUÂN ĐƯỢC	TD3	27	1	2		68	PSV	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC CƯỜNG	BK3	37	1	6	40	66	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	20	139	1.545	35	21		
2	BK3	1	1	6	66	40	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>145</b>	<b>1.611</b>	<b>75</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>145</b>	<b>1.611</b>	<b>75</b>			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2018	TO: P8 - P2 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VẬN - TRƯỜNG - TOÀN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG KHOAI	P8	56	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN KHAC SAU	P8	51	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VAN THINH	P8	55	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DE	P8	52	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG NGOC HA	P8	54	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VINH PHONG	P8	53	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN QUANG LUU	P8	59	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NG THANH HUNG	P8	57	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VAN NAM	P8	58	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN NHU Y	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TAN TAI	TD5	08	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
12	BAO NGUYEN LOC	TD5	07	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN QUYET TIEN	TD5	01	1	3	15	85	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN DUY ĐỨC	TD5	10	1	4	20	80	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH ANH TRUONG	TD5	06	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG NHAT QUANG	TD5	02	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	LE VU NGOC	TD5	04	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
18	LE THANH LAM	TD5					60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN NHU BANG	TD5	09	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
20	LE VIET THANG	TD5	13	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
21	HUYNH DINH DE	TD5	03	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
22	BUI VAN HUONG	TD5	05	1	6		70	NHA THAU	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	9	9	114	596	0	0		CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG TD5
2	P2	0	0	0	0	0	6 + 1		
3	TD5	13	11	55	894	35	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>169</b>	<b>1.490</b>	<b>35</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>169</b>	<b>1.490</b>	<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX / CARGO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2018	TO: P7 - P3 - JS2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Cuong - VTHU - HNAM	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN TOAN	P7	09	1	9		70	PVC-PT	Vietnamese
2	TRAN VAN THAI	P7	04	1	10		60	PVC-PT	Vietnamese
3	TRAN VAN SAU	P7	05	1	10		57	PVC-PT	Vietnamese
4	TRAN VAN TRUNG	P7	07	1	6		51	PVC-PT	Vietnamese
5	PHAN NANG KHOA	P7	06	1	12		60	PVC-PT	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN THANH	P7	01	1	12		70	PVC-PT	Vietnamese
7	TRAN THIEN SON	P7	08	1	8		58	PVC-PT	Vietnamese
8	TRAN VAN KIM	P7	02-03	2	6		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC LE	JS2	87	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
10	STEPHEN DCRUZ	JS2	94-95	2	17		85	KHOAN	Indian
11	PUTHAMPARAMBU THAKACHEN SHIBU	JS2	89-90	2	16		82	KHOAN	Indian
12	TRAN TUAN NGHIA	JS2	91	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HA	JS2	09	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUC CONG	JS2	100	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC MANG	JS2	88	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	98	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	97	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
18	LE THANH NGOC	JS2	92	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LINH	JS2	68	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THAI LAM	JS2	99	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC HAI	JS2	93	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC DOAN	JS2	96	1	5		54	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	8	9	73	486	0	6		
2	P3	0	0	0	0	0	1		
3	JS2	14	16	121	976	0	15		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>194</b>	<b>1.462</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>194</b>	<b>1.462</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2018	TO: P5 - P1 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LBinh - ATUAN - Nam	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TIEN THUAT	P5	69	1	9		70	PVCPT	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NHIEU	P5	66	1	11		67	PVCPT	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THU	P5	68	1	11		73	PVCPT	Vietnamese
4	TRAN VAN HONG	P5	67	1	7		72	PVCPT	Vietnamese
5	LE HONG MINH	P1	04	1	8		74	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN KHANH CHAN	P1					65	PSV	Vietnamese
7	PHAN SY HOAN	P1	05	1	9		65	PSV	Vietnamese
8	NG THỊ KIM TUYEN	P1	02-03	2	13		60	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HIEU	TD5	35	1	13		83	DVL	Vietnamese
10	HỒ VĂN ANH	TD5	32	1	7		76	PSV	Vietnamese
11	TRAN ĐỨC THUAN	TD5	33	1	8		78	PSV	Vietnamese
12	ĐÌNH VĂN THẮNG	TD5	29	1	4		71	PSV	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	27	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	PHI TRƯỜNG SƠN	TD5	36	1	4		65	PSV	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH HỘI	TD5	26	1	5		86	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN ĐANG NAM	TD5	37	1	4		68	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN NHUAN	TD5	30-31	2	18		52	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN LUONG SON	TD5	34	1	7		70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	4	4	38	282	0	0		
2	P1	4	4	30	264	0	9		
3	TD5	10	11	73	714	0	13		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>19</b>	<b>141</b>	<b>1.260</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>141</b>	<b>1.260</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.401 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX CARGO

0

9

13

22



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2018	TO: P4 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN KIM CƯỜNG	P4	15	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN HOAI VU	P4					65	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC NAM	P4	17	1	4	40	85	D-HANH	Vietnamese
4	PHAM XUAN VUONG	P4	21	1	3		100	D-HANH	Vietnamese
5	PHAM NGOC PHUONG	P4	25-26	2	15		70	D-HANH	Vietnamese
6	TRAN THIEN THANH	P4	03	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
7	LE CONG AN	P4	02	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM THE TRUONG	P4	01	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG TRINH ANH	P4	04-05	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN MANH HUNG	P4	22	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG XUAN KIEN	P4	07-08	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LOI	P4	06	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI THANH LONG	P4	11	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
14	LE TRI HAI	P4	13-14	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG VAN BA	P4	23-24	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN DANG HUAN	P4	09-10	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
17	DOAN VAN BANG	P4	12	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
18	DINH VAN DUONG	P4	18-19	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN QUAN	P4	20	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
20	VU ANH MINH	P4	27-28	2	16		70	T-TIN	Vietnamese
21	DO HOA VINH	P4					72	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN NAM	P4	16	1	4		76	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	28	246	1.571	40	10		
2	P6	0	0	0	0	20	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>28</b>	<b>246</b>	<b>1.571</b>	<b>60</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>246</b>	<b>1.571</b>	<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2018	TO: RP1 - JS2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Cường - VTHU - HNAM	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUKHIMCHUK	RP1	87	1	9		82	KH-THAC	Russian
2	PHAN QUANG VU	RP1	84	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ĐỨC SANG	RP1	85	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU NAM	RP1	86	1	6		46	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN BON	JS2	75	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
6	DO NGOC TU	JS2	83	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN HOAI NIEM	JS2	81	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
8	HUA QUANG TAM	JS2	80	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
9	DAM NGOC TUAN ANH	JS2	86	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN BA KHANH	JS2	79	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN XUAN THI	JS2	78	1	9		58	KHOAN	Vietnamese
12	LE KHAC BAO	JS2	76	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	84	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DINH HUNG	JS2	82	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
15	TRUONG DINH VINH	JS2	77	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN BAO	JS2	72	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG MINH KHANH	JS2	69	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NAM	JS2	71	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN THANH TINH	JS2	74	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGO VIET PHUONG	JS2	85	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN NAM	JS2	73	1	14		74	KHOAN	Vietnamese
22	CHU DINH THANH	JS2	70	1	5		51	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	4	4	39	269	0	0		
2	JS2	18	18	154	1.220	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>193</b>	<b>1.489</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>193</b>	<b>1.489</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2018	TO: RP2 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LBinh - CHIEN - Nam	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUY KHANH	RP2	31	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN PHUC SANG	RP2	24-25	2	14		62	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI THE HAI	RP2	27	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM NGOC THANG	RP2	29-30	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN NIN	RP2	96-97	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VIET HUU	RP2	28	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN MANH HUNG	RP2	32	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DINH SON	RP2	35,53	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
9	VUONG HUY HOAN	RP2	94-95	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI MANH HA	RP2	33-34	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
11	TRINH PHAM THANH	RP2	26	1	5		61	<del>VIETNAM</del>	Vietnamese
12	DOAN VAN TUYEN	P4	38	1	5		76	PSV	Vietnamese
13	PHAM CONG DIEN	P4	36	1	8		73	PSV	Vietnamese
14	VO VAN DUNG	P4	37	1	5		64	PSV	Vietnamese
15	LUU DINH THAI	P4	32	1	4		58	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN DONG	P4	34	1	5		61	PSV	Vietnamese
17	DOAN VAN AI	P4	35	1	5		64	PSV	Vietnamese
18	LE DAC NHA	P4	33	1	4		61	PSV	Vietnamese
19	BUI DUC ANH	P4	40	1	6		69	PSV	Vietnamese
20	PHAM DINH CHIEN	P4	39	1	5		53	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	11	17	156	748	0	0		
2	P4	9	9	47	579	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>26</b>	<b>203</b>	<b>1.327</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>203</b>	<b>1.327</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN